

Câu 1. Nhiệm vụ chính là duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiệm vụ chính của

- A. Liên minh châu Âu. B. Hội nghị Ianta. C. Liên Hợp Quốc. D. ASEAN.

Câu 2. Chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai

- A. Hòa bình, trung lập.
B. Hòa bình, tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.
C. Tích cực ngăn chặn vũ khí có nguy cơ hủy diệt loài người.
D. Kiên quyết chống lại các chính sách gây chiến của Mĩ

Câu 3. Điều không phải là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
C. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
D. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

Câu 4. Biến đổi quan trọng đầu tiên của các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước trên thế giới.
B. Nhiều nước có tốc độ phát triển khác nhau.
C. Sự ra đời của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).
D. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

Câu 5. Mĩ đã tuyên bố xóa bỏ cấm vận và bình thường hóa quan hệ với Việt Nam vào thời gian nào?

- A. Năm 1976. B. Năm 1994. C. Năm 2004. D. Năm 2006.

Câu 6. Nguyên nhân chính làm bản đồ chính trị thế giới có những thay đổi to lớn và sâu sắc sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc, hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc bị sụp đổ.

- B. hệ thống XHCN ngày càng mở rộng về không gian địa lí.
C. tác động của cuộc Chiến tranh lạnh mà Mĩ tiến hành.
D. tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

Câu 7. Mĩ phát động chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước XHCN vào thời gian nào?

- A. Tháng 2/1945. B. Tháng 3/1947. C. Tháng 6/1947. D. Tháng 4/1949.

Câu 8. Thế nào là Chiến tranh lạnh?

A. Là cuộc chiến tranh không có tiếng súng nhưng ráo riết chạy đua vũ trang làm cho quan hệ quốc tế luôn trong tình trạng căng thẳng, chiến tranh cục bộ ở nhiều nơi.

B. Là cuộc chạy đua quân sự giữa hai siêu cường Liên Xô và Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai, chuẩn bị gây ra một cuộc chiến tranh thế giới mới.

- C. Là dùng sức mạnh kinh tế để đe dọa đối phương.
D. Là dùng chính sách viện trợ để khống chế các nước.

Câu 9. Mục tiêu của Mĩ trong cuộc chiến tranh lạnh là gì?

- A. Mĩ lôi kéo các nước đồng minh của mình để chống Liên Xô.
B. Chống lại ảnh hưởng của Liên Xô với các nước Á, Phi và Mĩlatinh.
C. Phá hoại phong trào cách mạng thế giới.
D. Mĩ và các nước đồng minh thực hiện chính sách thù địch chống Liên Xô và các nước XHCN.

Câu 10. “Trật tự hai cực Ianta” bị sụp đổ vì

- A. Liên Xô và Mĩ chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
B. Liên Xô và Mĩ “chán ngán” việc chạy đua vũ trang.
C. ảnh hưởng của Liên Xô và Mĩ bị thu hẹp.

D.mô hình XHCN tan rã ở Liên Xô.

Câu 11. Chiến tranh lạnh kết thúc được đánh dấu bằng sự kiện nào?

A. Tháng 11/1972, hai nước Đức kí Hiệp định thiết lập mối quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức, đã làm giảm sự căng thẳng ở châu Âu.

B. Năm 1972, Liên Xô và Mĩ kí Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa và Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.

C. Tháng 8/1975, Mĩ, Canada và 33 nước châu Âu kí Định ước Henxinki nhằm đẩy mạnh quan hệ hợp tác và giải quyết những vấn đề có liên quan giữa các nước bằng phương pháp hòa bình.

D. Tháng 12/1989, cuộc gặp không chính thức giữa hai nhà lãnh đạo Liên Xô và Mĩ là M. Góocbachốp và G.Bush (cha) tại đảo Manta (Địa Trung Hải).

Câu 12. Hoạt động chủ yếu của chủ nghĩa khủng bố có ảnh hưởng như thế nào đến quan hệ quốc tế trong thập kỉ đầu tiên của thế kỉ XXI?

A.Làm cho tình hình an ninh thế giới bất ổn.

B.Tạo ra sự đối đầu giữa chủ nghĩa khủng bố và lực lượng chống chủ nghĩa khủng bố.

C.Làm cho quan hệ giữa các nước ngày càng căng thẳng.

D.Tạo ra cuộc chạy đua vũ trang mới trên thế giới.

Câu 13. Sự phát triển của xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác, cùng phát triển trong quan hệ quốc tế được xem là

A.nhiệm vụ chung của toàn nhân loại khi bước vào thế kỉ XXI.

B.trách nhiệm của các nước đang phát triển.

C.trách nhiệm của các nước phát triển.

D.thời cơ và thách thức đối với các quốc gia - dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 14. Trước xu thế mới trong quan hệ quốc tế thế kỉ XXI, Việt Nam có thuận lợi gì?

A.Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.

B.Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.

C.Có được thị trường lớn để tăng cường xuất khẩu hàng hóa.

D.Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học – kĩ thuật.

Câu 15. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay là

A. kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. khoa học - kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

C. sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.

D. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

Câu 16. Bản đồ gen người được giải mã và hoàn chỉnh vào năm

A.1947.

B.2000.

C.2003.

D.2004.

Câu 17. Thành tựu quan trọng của cách mạng khoa học – công nghệ đã tham gia tích cực vào việc giải quyết lương thực cho loài người là

A.tạo ra những vật liệu mới.

B.tạo ra những công cụ sản xuất mới.

C.tạo ra những nguồn năng lượng mới.

D.công nghệ sinh học.

Câu 18. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX và bắt đầu từ nước

A.Anh.

B.Pháp.

C.Đức.

D.Mĩ.

Câu 19. Tổ chức không phải biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa là

A.Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA).

B.Diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM).

C.Tổ chức hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

D.Hiệp định thương mại tự do Bắc Mĩ (NAFTA).

Câu 20. Một xu thế không thể đảo ngược của toàn cầu hóa là

A.xu thế chủ quan.

B.xu thế khách quan.

C.xu thế đối thoại.

D.những mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau.

Câu 21. Chọn những cụm từ cho sẵn dưới đây điền vào khoảng trống trong đoạn văn sau:

Trong giai đoạn từ cuộc khủng hoảng năng lượng 1973 cho đến nay, cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra về (1).....với sự ra đời của (2)....., về vật liệu mới, về những dạng năng lượng mới và (3)....., phát triển tin học.

A.(1) công nghệ, (2) thể hệ máy tính điện tử mới, (3) công nghệ sinh học.

B.(1) thể hệ máy tính điện tử mới, (2) công nghệ sinh học, (3) công nghệ.

C.(1) công nghệ sinh học, (2) công nghệ, (3) thể hệ máy tính điện tử mới.

D.(1) thể hệ máy tính điện tử mới, (2) công nghệ, (3) công nghệ sinh học.

Câu 22. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại phát triển qua mấy giai đoạn?

A. 2 giai đoạn.

B. 3 giai đoạn.

C. 4 giai đoạn.

D. 5 giai đoạn.

Câu 23. Ý nghĩa then chốt của cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là gì?

A. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

B. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.

C. Đưa loại người bước sang nền văn minh trí tuệ.

D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng.

Câu 24. Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

A. sự phát triển của quan hệ thương mại thế giới.

B. sự sáp nhập các công ty thành những tập đoàn lớn.

C. cách mạng khoa học – công nghệ.

D. sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia.

Câu 25. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (chủ yếu ở Việt Nam) ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Pháp bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế, tài chính kiệt quệ.

B. Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.

C. Việt Nam có nguồn nhân công dồi dào, rẻ mạt.

D. Pháp muốn đầu tư phát triển kinh tế ở Việt Nam.

Câu 26. Đặc điểm nổi bật trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương là thực dân Pháp đầu tư với

A. tốc độ nhanh, quy mô lớn vào các ngành kinh tế Việt Nam.

B. tốc độ nhanh, chú trọng áp dụng khoa học-kĩ thuật.

C. quy mô lớn, ưu tiên phát triển nông nghiệp.

D. quy mô lớn, ưu tiên phát triển công nghiệp.

Câu 27. Lĩnh vực không được Pháp chú trọng đầu tư trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương?

A. Công nghiệp nặng.

B. Công nghiệp nhẹ.

C. Ngoại thương.

D. Giao thông vận tải.

Câu 28. Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

A. Để cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào kinh tế Pháp.

B. Nhằm thâm tóm quyền lực vào tay người Pháp.

C. Để phục vụ nhu cầu công nghiệp chính quốc.

D. Do đầu tư vốn nhiều vào nông nghiệp.

Câu 29. Những mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất?

A. Giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân.

B. Giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

C. Giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, giữa giai cấp nông dân với giai cấp tư sản.

D. Giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, giữa tất cả các giai cấp trong xã hội do địa vị và quyền lợi khác nhau nên đều mâu thuẫn.

Câu 30. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc từ người yêu nước trở thành người Cộng sản?

A. Ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đến tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc.

B. Đưa yêu sách tới Hội nghị Véc-xai(18/6/1919).

C. Đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa(7/1920).

D. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp(12/1920).

Câu 31. Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản?

A. Quốc tế này bênh vực quyền lợi cho các dân tộc thuộc địa.

B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp.

C. Quốc tế này đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam.

D. Quốc tế này chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng ở Việt Nam.

Câu 32. Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam là gì?

- A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.
- B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.
- C. Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
- D. Là bước chuẩn bị đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 33. Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền ở Việt Nam là gì?

- A. Đánh đổ địa chủ phong kiến giành ruộng đất cho dân cày.
- B. Đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập cho dân tộc.
- C. Đánh đổ đế quốc Pháp giành làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, đánh đổ thế lực phong kiến, đánh đổ cách bóc lột theo lối tư sản, thực hành cách mạng thổ địa triệt để.
- D. Đánh đổ giai cấp tư sản và địa chủ phong kiến.

Câu 34. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930-1931 được thể hiện như thế nào?

- A. Phong trào thực hiện sự liên minh công - nông vững chắc.
- B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.
- C. Phong trào đã giáng đòn quyết liệt vào bọn thực dân phong kiến.
- D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 35. Phong trào cách mạng 1930-1931 phát triển nhất ở Nghệ An – Hà Tĩnh vì đó là nơi

- A. tập trung đông đảo giai cấp công nhân.
- B. thành lập chính quyền Xô viết sớm nhất.
- C. có truyền thống đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm.
- D. có đội ngũ cán bộ Đảng đông đảo nhất trong cả nước.

Câu 36. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 – 1939 đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là gì?

- A. Đánh đổ quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
- B. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.
- C. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.
- D. Chống phong kiến và tay sai.

Câu 37. Cho các sự kiện sau:

- 1. Mặt trận Việt Minh.
- 2. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- 3. Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
- 4. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian ra đời.

- A. 3,1,4,2.
- B. 4,1,3,2.
- C. 1,3,2,4.
- D. 3,2,4,1.

Câu 38. Đảng Cộng sản Đông Dương xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam trong phong trào dân chủ 1936-1939 là?

- A. Đánh đổ đế quốc Pháp.
- B. Chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh dân chủ, cơm áo và hòa bình.
- C. Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày nghèo.
- D. Tập trung mũi nhọn đấu tranh chống kẻ thù chính là phát xít Nhật.

Câu 39. Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) của Đảng ta là

- A. toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- C. toàn dân, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- D. toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

Câu 40. Điều khoản nào trong Hiệp định Sơ bộ (ngày 6/3/1946) trên thực tế có lợi cho ta?

- A. Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do.
- B. Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có chính phủ riêng, nghị viện riêng, quân đội riêng, tài chính riêng.
- C. Chính phủ Việt Nam đồng ý cho 15000 quân Pháp được ra miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc, số quân này sẽ đóng ở những địa điểm quy định và rút dần trong thời hạn 5 năm.

D. Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở miền Nam.

SỞ GD & ĐT BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT LÝ TỰ TRỌNG

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2016-2017

Môn: LỊCH SỬ - LỚP 12

Thời gian làm bài: 45 phút

Đ.án Câu			
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			

Đ.án Câu			
21			
22			
23			
24			
25			
26			
27			
28			
29			
30			
31			
32			
33			
34			
35			
36			
37			
38			
39			
40			